

Bản án số: 27/2023/HS-ST
Ngày 05/12/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN QUÂN SỰ KHU VỰC THỦ ĐÔ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử (HĐXX) sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: 4/ Nguyễn Thị Mai.

Các Hội thẩm quân nhân: 4/ Trần Phạm Mai Linh;
4/ Trần Thị Minh Trang.

Thư ký phiên tòa: 2/ Ngô Anh Dũng, Thư ký Tòa án quân sự khu vực Thủ đô Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát quân sự khu vực Thủ đô Hà Nội tham gia phiên tòa: 1// Phạm Nhật Long, Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 12 năm 2023 tại Phòng xử án Tòa án quân sự khu vực Thủ đô Hà Nội, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 22/2023/TLST- HS ngày 23 tháng 10 năm 2023 và Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2023/QĐXXST-HS ngày 21 tháng 11 năm 2023, đối với các bị cáo:

1. **Đào Thị Hoài T**; tên gọi khác: Không; giới tính: Nữ; sinh ngày: 13 tháng 3 năm 1990 tại A; nơi cư trú: số 41 A1, phường A2, thành phố A3, tỉnh A; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 8; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đào Đình T1 và bà Đào Thị T2; có chồng là Hà Đăng T3 và 02 con (con lớn sinh năm 2013, con nhỏ sinh năm 2017); tiền sự: Không;

Tiền án: Ngày 28/02/2023 bị Tòa án nhân dân quận B1, TP B xử phạt 07 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; nhân thân: có 01 tiền án đã chấp hành xong hình phạt nhưng chưa được xóa án tích;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 09/7/2023 đến ngày 12/7/2023, tạm giam từ ngày 12/7/2023 đến nay; hiện đang bị tạm giam tại Phân trại tạm giam, Trại tạm giam T771, Cục Điều tra hình sự/BQP; có mặt;

2. **Nguyễn Thị H**; tên gọi khác: Không; giới tính: Nữ; sinh ngày: 29 tháng 8 năm 1984 tại C; nơi cư trú: Thôn C1, xã C2, huyện C3, tỉnh C; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H1 và bà Phạm Thị H2; bị cáo chưa có chồng, con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: không có án tích, chưa bị xử lý hành chính hay xử lý kỷ luật lần nào; hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt;

- Bị hại:

1. Đinh Xuân Q, sinh ngày 23/4/1986; nghề nghiệp: Lao động tự do; nơi cư trú: Thôn U, xã U1, huyện U2, tỉnh U3; vắng mặt;

2. Hoàng Giang P, sinh ngày 14/8/2001; nghề nghiệp: Sinh viên; nơi cư trú: xã O, huyện O1, tỉnh O2; vắng mặt;

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Đỗ Việt K, sinh năm 1976; nơi cư trú: Số 36A, tập thể Y1, tổ 13, phường Y2, quận Y, Thành phố B; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 21 giờ 30 phút 07/7/2023, Đào Thị Hoài T điều khiển xe mô tô BKS: 29H2 - 123.64, nhãn hiệu Honda Wave đến Bệnh viện X (địa chỉ: Số 1 V, phường V1, quận V2, Thành phố B) với mục đích xem có ai sơ hở trong việc quản lý tài sản thì thực hiện hành vi trộm cắp. Khi đến nơi, T gửi xe sau đó đi bộ vào trong phòng chờ của người nhà bệnh nhân Khoa Cấp cứu, tại đây T quan sát thấy anh Đinh Xuân Q đang nằm ngủ ở ghế chờ và cầm sạc chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Vivo Y20S, model: V2029, màu xanh, dung lượng 128GB ở gần đầu; T tiến lại, ngồi gần vị trí anh Q đang ngủ sau đó lén rút chiếc điện thoại ra khỏi dây sạc, bỏ vào túi áo đang mặc rồi ra ngoài lấy xe rời khỏi bệnh viện.

Đến khoảng 07 giờ ngày 08/7/2023, T tiếp tục điều khiển chiếc xe mô tô trên đến gửi xe tại Bệnh viện Đa khoa Y (địa chỉ: Số 2 Y3, phường Y4, quận Y, Thành phố B) sau đó đi lại xung quanh khu vực các khoa khám bệnh với mục đích trộm cắp tài sản. Khi đi đến hành lang nhà F thuộc Khoa Hồi sức tích cực và Chống độc, T quan sát thấy có 01 chiếc túi đeo chéo, màu đen, có dòng chữ “URBAN LIVE STYLE” để trên nóc tủ để đồ ở hành lang của khoa, không có ai quản lý nên đã lén rút trộm cắp chiếc túi trên. Sau đó, T mang chiếc túi ra khỏi cổng bệnh viện rồi đi bộ đến khu vực chợ R (thuộc phường Y5, quận Y, TP B) mở ra kiểm tra thấy bên trong có 01 chứng minh thư nhân dân, 01 thẻ ATM của Ngân hàng D đều mang tên Hoàng Giang P; 01 đăng ký xe mô tô BKS: 19C1-104.22; 01 chìa khóa xe máy có chữ Honda, 01 vé gửi xe dạng thẻ từ. Thấy có vé xe, chìa khóa và giấy tờ xe nên T đã đi bộ quay lại khu vực nhà xe của Bệnh viện Đa khoa Y với mục đích tìm chiếc xe mô tô BKS: 19C1-104.22 để trộm cắp. Khi đi đến khu vực hàng thứ 2 ở gần cuối bãi xe, T đã tìm thấy chiếc xe mô tô trên nên đã lấy chìa khóa trong túi ra mở khóa và điều khiển xe ra cổng nhà để xe, đưa vé và trả tiền gửi xe cho nhân viên soát vé sau điều khiển xe mô tô rời khỏi bệnh viện.

Sau đó, T gọi điện thoại cho Nguyễn Thị H hẹn ra cổng Trường Tiểu học G (địa chỉ: Phường G1, quận Y, TP B) để ngồi uống nước, nói chuyện. Đến

khoảng 09 giờ 00 phút, T điều khiển xe mô tô BKS: 19C1-104.22 mang theo những tài sản đã trộm cắp được đến công trường như đã hẹn. Do trước đó, T và H có thông nhất với nhau khi nào T trộm cắp được chiếc điện thoại cảm ứng thì sẽ cho H để H sử dụng nên sau khi trộm cắp được chiếc điện thoại di động của anh Q, T đã nghĩ ngay đến việc cho H chiếc điện thoại trên. Khi T và H gặp nhau, T đã đưa cho H chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Vivo Y20S và bảo H tự mang đi bẻ khóa rồi sử dụng. Qua nói chuyện, H biết chiếc điện thoại trên là do T trộm cắp được mà có. Lúc này, H có khách đi xe ôm nên đã mang theo chiếc điện thoại trên đi và bảo T ở lại đợi H quay lại nói chuyện tiếp.

Sau khi H đi, T đi tới cây ATM của Ngân hàng D1 ở tầng 1 Chung cư G3 (địa chỉ: Phường G1, quận Y, TP B) sau đó cho thẻ ATM vừa trộm cắp được vào cây và thử mã PIN là “140801” (là ngày, tháng, năm sinh của Hoàng Giang P) thì thấy đúng mật khẩu. T kiểm tra thẻ thì thấy số dư tài khoản là 496.000 đồng nên T đã thực hiện 02 lệnh rút tiền với tổng số tiền là 450.000 đồng. Sau khi rút được tiền, T đem giấy tờ cá nhân, thẻ ngân hàng của anh P vớt xuống lòng sông E tại Cầu E1, đường E2, phường E3, quận Y, TP B; chỉ giữ lại giấy đăng ký xe mô tô BKS: 19C1-104.22. Sau đó, T quay lại địa điểm cũ ngồi chờ H, khi H quay lại, T đưa cho H chiếc túi đeo chéo, màu đen để H sử dụng vào mục đích cá nhân. Khi nhận chiếc túi, H biết đó là tài sản do T trộm cắp mà có nhưng vẫn đồng ý nhận.

Đến chiều cùng ngày, T điều khiển xe mô tô BKS: 19C1-104.22 đến cửa hàng mua, bán xe mô tô S (địa chỉ: Số 31 đường M, phường M1, quận Y, TP B) bán cho chủ cửa hàng là anh Đỗ Việt K với giá 2.700.000 đồng. Do có giấy tờ đăng ký xe nên anh K không biết chiếc xe mô tô là do T trộm cắp mà có. Sau khi bán xe, T quay lại Bệnh viện Đa khoa Y thì bị Công an phường Y4, quận Y, TP B mời về trụ sở làm việc. Tại đây, T đã nhận thức được hành vi vi phạm pháp luật của bản thân nên khai nhận toàn bộ nội dung sự việc.

Tại phiên tòa, các bị cáo Đào Thị Hoài T và Nguyễn Thị H thừa nhận hành vi như nội dung vụ án đã nêu trên.

Bị hại Đinh Xuân Q khai trong quá trình điều tra: Khoảng 22 giờ ngày 07/7/2023, anh Q ngủ ở ghế trong phòng chờ cấp cứu của Bệnh viện X và cắm sạc 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivo Y20S, model: V2029 màu đen ở trên ghế ngủ, sát đầu của anh Q. Đến khoảng 01 giờ sáng ngày 08/7/2023 anh Q tỉnh giấc thì phát hiện điện thoại bị mất trộm. Hiện nay anh Q đã nhận lại tài sản nên không có yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm.

Bị hại Hoàng Giang P khai trong quá trình điều tra: Khoảng 07 giờ 20 phút ngày 08/7/2023, anh P điều khiển xe mô tô Honda Wave BKS: 19C1-104.22 từ phòng trọ đến bãi gửi xe của Bệnh viện Đa khoa Y, TP B. Khi gửi xe, bảo vệ có đưa cho anh P 01 vé xe dạng thẻ từ, lấy vé xong anh P cho vé xe vào

bên trong túi xách đeo chéo, màu đen, có dòng chữ “URBAN LIVE STYLE” sau đó anh P đi vào Khoa Hồi sức tích cực và chống độc để làm việc. Khi vào khoa, anh P để túi xách lên trên nóc tủ để đồ chung của cán bộ, sinh viên trong hành lang của khoa. Đến khoảng 11 giờ 30 phút cùng ngày thì anh P nhận được 01 tin nhắn của Ngân hàng D trừ 456.600 đồng trong tài khoản. Thấy vậy, anh P lập tức chạy ra ngoài kiểm tra thì phát hiện chiếc túi để trên nóc tủ đã bị mất, sau đó ra nhà xe kiểm tra thì không thấy chiếc xe mô tô BKS: 19C1 – 104.22 đâu nữa nên đã kiểm tra camera của nhà xe thì phát hiện khoảng 9 giờ 30 phút cùng ngày có 01 người phụ nữ đã trộm cắp chiếc xe trên nên anh P đã đến Công an phường Y4 để trình báo. Bên trong chiếc túi có 01 thẻ ATM ngân hàng D, 01 chứng minh thư nhân dân số 132488047 đều mang tên Hoàng Giang P; 01 vé xe dạng thẻ từ; 01 chìa khóa và 01 giấy đăng ký xe của xe mô tô BKS: 19C1 - 104.22. Hiện nay, anh P đã nhận lại các tài sản bị mất (trừ 01 thẻ ATM và 01 chứng minh thư nhân dân), không yêu cầu bị cáo T phải bồi thường gì thêm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Đỗ Việt K khai trong quá trình điều tra: Khoảng 15 giờ 30 phút ngày 08/7/2023, khi anh K đang ở cửa hàng thì Đào Thị Hoài T đến và nói muốn bán xe mô tô BKS: 19C1 – 104.22. Anh K có hỏi xe của ai thì T nói rằng xe của T. Sau khi kiểm tra xe, thấy có đầy đủ giấy tờ, xe không có dấu hiệu bị đục phá nên anh K đã mua chiếc xe trên với giá 2.700.000 đồng và có làm giấy bán xe do T tự viết tay. Đến chiều cùng ngày, anh K được cơ quan công an mời lên làm việc thì biết chiếc xe trên là do T trộm cắp nên đã tự nguyện giao nộp cho cơ quan công an. Hiện nay anh K đã nhận lại được số tiền 2.700.000 đồng và không yêu cầu gì thêm.

Tại đơn xin đầu thú ngày 08/7/2023, Đào Thị Hoài T khai nhận hành vi trộm cắp ngày 08/7/2023 tại Bệnh viện đa khoa Y và đã tự mình khai ra hành vi trộm cắp chiếc điện thoại nhãn hiệu Vivo Y20S, model: V2029 vào ngày 07/7/2023 tại Bệnh viện X;

Biên bản xác định hiện trường do Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an quận Y, TP B lập ngày 09/7/2023 thể hiện: Đào Thị Hoài T đã chỉ ra được vị trí T thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của anh Đinh Xuân Q và Hoàng Giang P; vị trí T cho H chiếc điện thoại nhãn hiệu Vivo Y20S và chiếc túi da; vị trí T rút số tiền 450.000 đồng trong tài khoản ngân hàng D của anh Hoàng Giang P; vị trí T bán chiếc xe mô tô BKS: 19C1-104.22; vị trí T vứt thẻ chứng minh nhân dân và thẻ ngân hàng D của anh Hoàng Giang P;

Tại biên bản đối chất giữa Đào Thị Hoài T và Nguyễn Thị H ngày 09/7/2023 thể hiện: H và T đều thừa nhận việc trước đây T có hứa sẽ cho H một chiếc điện thoại sau khi trộm cắp được nên ngày 08/7/2023 sau khi trộm được chiếc điện thoại nhãn hiệu Vivo Y20S T đã nghĩ ngay đến việc cho H và đã hẹn H ra cổng trường Tiểu học G để cho H chiếc điện thoại trên. Chiếc túi xách thì T tự

cho H, H biết chiếc túi xách trên là do T trộm cắp được nhưng vẫn đồng ý nhận;

Kết luận định giá tài sản số 165/KL- HĐĐGTS ngày 09/7/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự của UBND quận Y kết luận: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivo Y20S, model: V2029, màu xanh, dung lượng 128Gb, số IMEI 1: 867695051710134, số IMEI2: 86769051710126 có giá trị: 1.600.000 đồng; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, BKS: 19C1- 104.22, màu đỏ xanh đen, số máy: JC43E1242430, số khung 431XAY031573 có giá trị: 9.000.000 đồng; 01 túi đeo chéo, màu đen có dòng chữ “URBAN LIVE STYLE” có giá trị 50.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số: 533/CT-VKSKVTĐHN ngày 20/10/2023, Viện kiểm sát quân sự khu vực Thủ đô Hà Nội truy tố các bị cáo: Đào Thị Hoài T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự (BLHS); Nguyễn Thị H về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 323 BLHS.

Tranh luận tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ nguyên nội dung quyết định truy tố đối với các bị cáo: Đào Thị Hoài T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 BLHS; Nguyễn Thị H về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 323 BLHS.

Trên cơ sở phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội, hậu quả vụ án, điều kiện, nguyên nhân phạm tội, nhân thân của các bị cáo, Kiểm sát viên đề nghị HĐXX:

Về hình sự: Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm s, r, ý 2 điểm h khoản 1 Điều 51; điểm g, ý 1 điểm h khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 38 BLHS xử phạt bị cáo Đào Thị Hoài T từ 12 đến 15 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 09/7/2023.

Áp dụng khoản 1 Điều 323; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 1, 2 Điều 65 BLHS xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H từ 6 đến 9 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thách là 12 đến 18 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Nguyễn Thị H cho Ủy ban nhân dân xã C2, huyện C3, tỉnh C giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Về biện pháp tư pháp: Đề nghị ghi nhận các bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án đã nhận lại tài sản và không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường gì.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị ghi nhận Cơ quan điều tra hình sự khu vực 1 Các tổ chức sự nghiệp/BQP đã thu giữ và trả lại 01 điện thoại di động Vivo Y20S, Model: V2029, màu xanh, dung lượng 128GB, số IMEI1: 867695051710134, số IMEI2: 867695051710126 cho anh Đinh Xuân Q; trả 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, BKS: 19C1-104.22, màu sơn đỏ, xanh, đen, số máy: JC43E1242430, số khung: 431XAY031573; 01 túi đeo chéo, màu đen, có

dòng chữ “URBAN LIVE STYLE”; 01 giấy đăng ký xe mô tô BKS: 19C1-104.22 và số tiền 450.000 đồng cho anh Hoàng Giang P; trả số tiền 2.700.000 đồng cho anh Đỗ Việt K theo quy định.

Về án phí: Đề nghị áp dụng khoản 2 các Điều 135, 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 của Quốc hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, các bị cáo Đào Thị Hoài T và Nguyễn Thị H mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng.

Các bị cáo đồng ý với các nội dung luận tội của Kiểm sát viên và không bào chữa gì thêm.

Lời nói sau cùng, các bị cáo nhận thức hành vi của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo H đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ cho bị cáo vì bị cáo phạm tội lần đầu và hiểu biết pháp luật còn hạn chế.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra hình sự khu vực 1 Các tổ chức sự nghiệp/BQP, Điều tra viên; Viện kiểm sát quân sự khu vực Thủ đô Hà Nội, Kiểm sát viên được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, các bị hại và đương sự trong vụ án không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan, người tiến hành tố tụng. Như vậy, có cơ sở khẳng định các hành vi, quyết định của cơ quan và người tiến hành tố tụng thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo Đào Thị Hoài T và Nguyễn Thị H thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu. Lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa.

Căn cứ vào diễn biến của các tình tiết vụ án, chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được điều tra làm rõ tại phiên tòa, HĐXX thấy rằng có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 21 giờ 30 phút ngày 07/7/2023, Đào Thị Hoài T đã lén lút thực hiện hành vi trộm cắp 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivo Y20S, model: V2029 trị giá 1.600.000 đồng của anh Đinh Xuân Q tại Bệnh viện X. Đến khoảng 07 giờ ngày 08/7/2023, T tiếp tục đến Bệnh viện Đa khoa Y, TP B trộm cắp 01 túi đeo chéo, màu đen, có dòng chữ “URBAN LIVE STYLE” của anh Hoàng Giang P trị giá 50.000 đồng; bên trong túi xách có 01 chứng minh thư nhân dân, 01 thẻ ATM Ngân hàng D đều mang tên Hoàng Giang P; 01 vé xe

dạng thẻ từ, 01 chìa khóa xe và 01 giấy đăng kí xe mô tô BKS: 19C1-104.22. Sau đó T đã ra bãi gửi xe của Bệnh viện lấy trộm 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, BKS: 19C1-104.22, màu sơn đỏ, xanh, đen trị giá 9.000.000 đồng và rút trộm từ tài khoản thẻ ATM của anh Hoàng Giang P số tiền 450.000 đồng. Tổng trị giá tài sản T trộm cắp là 11.100.000 đồng. Hành vi của bị cáo đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS.

Ngày 08/7/2023, mặc dù không hứa hẹn trước nhưng khi biết chiếc túi đeo chéo, màu đen, có dòng chữ “URBAN LIVE STYLE” là tài sản do T trộm cắp được, vì tham lam nên Nguyễn Thị H đã nhận chiếc túi trên từ bị cáo T để sử dụng vào mục đích cá nhân nên hành vi của bị cáo H đã phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại khoản 1 Điều 323 BLHS. Do đó, ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa về tội danh đối với các bị cáo là có căn cứ.

[3] Tính chất của vụ án là ít nghiêm trọng. Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác, xâm phạm trật tự công cộng, an toàn xã hội nên các bị cáo phải chịu trách nhiệm về hành vi phạm tội của mình đã gây ra.

[4] Về tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự (TNHS) và hình phạt đối với các bị cáo:

Ngày 07/7/2023, bị cáo Đào Thị Hoài T thực hiện hành vi trộm cắp 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivo Y20S trị giá 1.600.000 đồng nhưng do bị cáo có 01 tiền án về tội “Trộm cắp tài sản” chưa được xóa án tích nên hành vi của bị cáo đã cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 BLHS; ngày 08/7/2023, bị cáo T tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của anh Hoàng Giang P với tổng giá trị là 9.500.000 đồng nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng TNHS “phạm tội 02 lần trở lên” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS. Đối với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng tình tiết tăng nặng TNHS “tái phạm” theo quy định tại ý 1 điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS đối với bị cáo T, HĐXX thấy: Căn cứ quy định khoản 2 Điều 52 BLHS và vận dụng quy định tại điểm c tiểu mục 7.3 Nghị quyết số 01/2006/NQ-HĐTP ngày 12/5/2006 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của BLHS thì tình tiết đã được quy định là dấu hiệu định tội hoặc định khung hình phạt thì không được coi là tình tiết tăng nặng. Do bị cáo có 01 tiền án về tội “Trộm cắp tài sản” đã bị áp dụng là tình tiết định tội đối với hành vi trộm cắp chiếc điện thoại có giá trị 1.600.000 đồng vào ngày 07/7/2023 nên bị cáo T không phải chịu tình tiết tăng nặng TNHS “tái phạm” đối với hành vi phạm tội ngày 08/7/2023.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, cả hai bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của bản thân nên các bị cáo đều

được hưởng tình tiết giảm nhẹ TNHS “người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải” quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS.

Ngày 08/7/2023, khi được Công an phường Y4, quận Y mời về trụ sở làm việc, bị cáo T đã tự khai nhận hành vi trộm cắp 01 chiếc điện thoại của mình vào ngày 07/7/2023, vì vậy bị cáo T được hưởng tình tiết giảm nhẹ TNHS “người phạm tội tự thú” quy định tại điểm r khoản 1 Điều 51 BLHS. Ngoài ra, sau khi bị chiếm đoạt tài sản đã được thu hồi trả lại ngay cho các chủ sở hữu nên thuộc trường hợp gây thiệt hại không lớn vì vậy bị cáo T được hưởng tình tiết giảm nhẹ TNHS “phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn” quy định điểm h khoản 1 Điều 51 BLHS.

Ngoài hành vi phạm tội này bị cáo Nguyễn Thị H chưa phạm tội lần nào, hành vi của bị cáo là ít nghiêm trọng nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ TNHS “phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng” quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 BLHS.

Xét thấy, bị cáo Đào Thị Hoài T đã từng bị xét xử về tội “Trộm cắp tài sản” nhưng không lấy đó làm bài học mà tiếp tục nhiều lần thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo thường xuyên lang thang, không có nơi cư trú rõ ràng, ý thức chấp hành pháp luật kém nên cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian đủ để cải tạo bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội và đảm bảo phòng ngừa chung.

Đối với Nguyễn Thị H: Bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại khoản 1 Điều 51 BLHS, có nơi cư trú rõ ràng và chưa có tiền án, tiền sự; hành vi phạm tội của bị cáo là ít nghiêm trọng, gây nguy hại không lớn cho xã hội; tài sản bị cáo tiêu thụ đã được thu hồi trả lại cho chủ sở hữu nên không cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội; tuy nhiên ý kiến của đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo đối với bị cáo H là có phần nghiêm khắc so với tính chất, mức độ hành vi và hậu quả của vụ án nên chỉ cần áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ, giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi cư trú và gia đình bị cáo giám sát, giáo dục cũng đủ điều kiện cải tạo bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội và đảm bảo phòng ngừa chung cũng như thể hiện sự khoan hồng của pháp luật. Do bị cáo không có thu nhập ổn định nên miễn việc khấu trừ một phần thu nhập cho bị cáo.

Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định nên HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo theo quy định tại khoản 5 các Điều 173, 323 BLHS.

[5] Ngày 07/7/2023 và 08/7/2023, bị cáo Đào Thị Hoài T đã điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, BKS: 29H2-123.64 đến Bệnh viện X và Bệnh viện đa khoa Y để thực hiện hành vi phạm tội, tuy nhiên quá trình điều tra xác định đây là tài sản của anh Vương Văn I (sinh năm: 1986; trú tại: Tổ 14, phường

L, quận L1, TP B) mà bị cáo T đã trộm cắp vào ngày 24/11/2022 tại Bệnh viện X1. Hiện tại chiếc xe máy trên đã được bàn giao cho Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an **huyện** N, TP B để điều tra, giải quyết theo thẩm quyền, vì vậy HĐXX không xem xét giải quyết trong vụ án này.

Xét thấy, trước khi T trộm cắp chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Vivo Y20S, model: V2029 của anh Đinh Xuân Q, T và H đã hứa hẹn với nhau về việc nếu T trộm cắp được điện thoại cảm ứng thì sẽ cho H nên ngày 08/7/2023, sau khi T trộm cắp được chiếc điện thoại trên T đã đưa cho H để sử dụng vào mục đích cá nhân. Việc H có hứa hẹn nhận điện thoại từ trước đối với T đã tạo điều kiện về tinh thần, thúc đẩy T thực hiện hành vi trộm cắp chiếc điện thoại di động trên. Vì vậy, Nguyễn Thị H là đồng phạm với Đào Thị Hoài T về hành vi trộm cắp chiếc điện thoại trên, tuy nhiên trị giá chiếc điện thoại là 1.600.000 đồng; H chưa có tiền án, tiền sự nên hành vi đồng phạm của H không đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại Điều 173 BLHS mà chỉ vi phạm quy định điểm a khoản 1 Điều 15 Nghị định 144/2021/NĐ - CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng chống tệ nạn xã hội; phòng cháy, chữa cháy; cứu nạn, cứu hộ; phòng chống bạo lực gia đình. Ngày 18/10/2023, Công an quận Y - TP B đã ra quyết định xử phạt hành chính đối với Nguyễn Thị H về hành vi trộm cắp tài sản này với hình thức phạt tiền 2.500.000 đồng nên tại phiên tòa hôm nay HĐXX không xem xét giải quyết lại nữa.

Ngoài ra, bị cáo Nguyễn Thị H mặc dù biết Đào Thị Hoài T đã trộm cắp 01 chiếc xe mô tô BKS: 19C1-104.22 nhưng đã không tố giác tội phạm. Hành vi trên của H có dấu hiệu của tội “Không tố giác tội phạm” quy định tại khoản 1 Điều 390 BLHS. Tuy nhiên, tội này chỉ xử lý đối với hành vi quy định tại các khoản 2, 3, 4 Điều 173 BLHS do đó không đủ cơ sở để xử lý hình sự đối với H về hành vi trên.

Đối với anh Đỗ Việt K: Khi mua xe mô tô BKS: 19C1-104.22, anh K không biết chiếc xe trên là tài sản do Đào Thị Hoài T trộm cắp mà có, vì vậy không có căn cứ xem xét xử lý anh K về hành vi “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

[6] Về bồi thường thiệt hại: Căn cứ khoản 1 Điều 48 BLHS; khoản 1 các Điều 584, 585, 586, 587 và 589 Bộ luật Dân sự buộc bị cáo Đào Thị Hoài T phải bồi thường toàn bộ thiệt hại do hành vi phạm tội của mình gây ra cho các bị hại Đinh Xuân Q số tiền 1.600.000 đồng và Hoàng Giang P số tiền 9.500.000 đồng; bồi hoàn cho anh Đỗ Việt K số tiền 2.700.000 đồng đã mua xe mô tô BKS: 19C1 – 104.22. Quá trình giải quyết vụ án, các bị hại và anh Đỗ Việt K đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường, bồi hoàn gì nên xét thấy cần ghi nhận.

[7] Về xử lý vật chứng: Trong giai đoạn điều tra, Cơ quan điều tra hình sự khu vực 1 Các tổ chức sự nghiệp/BQP đã thu giữ và trả lại 01 điện thoại di động Vivo Y20S, Model: V2029, màu xanh, dung lượng 128GB, số IMEI1: 867695051710134, số IMEI2: 867695051710126 cho anh Đinh Xuân Q; trả 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, BKS: 19C1-104.22, màu sơn đỏ, xanh, đen, số máy: JC43E1242430, số khung: 431XAY031573; 01 túi đeo chéo, màu đen, có dòng chữ “URBAN LIVE STYLE”; 01 giấy đăng ký xe mô tô BKS: 19C1-104.22 và số tiền 450.000 đồng cho anh Hoàng Giang P; trả số tiền 2.700.000 đồng cho anh Đỗ Việt K theo quy định nên tại phiên tòa HĐXX không xem xét giải quyết lại nữa.

[8] Về án phí: Căn cứ quy định tại khoản 2 các Điều 135; 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 của Quốc hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; các bị cáo Đào Thị Hoài T và Nguyễn Thị H mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng.

Vì các lẽ trên, căn cứ vào điểm g khoản 2 Điều 260 Bộ luật Tố tụng hình sự,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về hình sự:

Tuyên bố bị cáo Đào Thị Hoài T phạm tội “Trộm cắp tài sản”; bị cáo Nguyễn Thị H phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm s, r, h khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Đào Thị Hoài T **12 (Mười hai)** tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 09/7/2023.

Áp dụng khoản 1 Điều 323; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 Bộ luật Hình sự xử phạt Nguyễn Thị H **06 (Sáu)** tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn chấp hành hình phạt kể từ ngày Ủy ban nhân dân xã C2, huyện C3, tỉnh C nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo Nguyễn Thị H. Giao bị cáo Nguyễn Thị H cho Ủy ban nhân dân xã C2, huyện C3, tỉnh C giám sát giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo H có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã C2, huyện C3, tỉnh C trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trường hợp người chấp hành án thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 100 Luật Thi hành án hình sự.

2. Về bồi thường thiệt hại:

Ghi nhận các bị hại Đinh Xuân Q và Hoàng Giang P đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bị cáo Đào Thị Hoài T phải bồi thường gì thêm.

Ghi nhận anh Đỗ Việt K đã nhận lại số tiền 2.700.000 (Hai triệu bảy trăm nghìn) đồng và không yêu cầu bị cáo Đào Thị Hoài T phải bồi hoàn gì thêm.

3. Về án phí:

Áp dụng khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, các bị cáo Đào Thị Hoài T và Nguyễn Thị H mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng.

4. Quyền kháng cáo đối với bản án:

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (05/12/2023) đối với các bị cáo và trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án đối với các bị hại, đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này lên Toà án quân sự Thủ đô Hà Nội./.

Nơi nhận:

- VKSQSTĐHN;
- VKSQSKVTĐHN;
- Cơ quan ĐTHS KV1 CTCSN/BQP;
- Cơ quan THAHS Thủ đô Hà Nội;
- Cơ quan THAHS, CAH C3, t. C;
- UBND xã C2, h. C3, t. C;
- Phòng THA/BTTM;
- TAQSTW (02b);
- Phân trại tạm giam, T771, CĐTHS/BQP;
- Bị cáo (02);
- Bị hại (02);
- NCQL, NVLQĐVA (01);
- Lưu HS, THA, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

4/ Nguyễn Thị Mai